

# Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học thông qua học tập theo dự án

Phan Thị Kim Liên\*

\*ThS, GV. Khoa Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Văn Lang

Received: 01/7/2024; Accepted: 6/7/2024; Published: 12/7/2024

**Abstract:** Soft skills are important in developing lifelong learning capacity for individuals. There are many ways to form soft skills. Through an overview of research in the world and Vietnam, it shows that project-based learning is a modern, active teaching method in developing soft skills for students such as: problem solving skills, critical thinking skills, creative thinking skills, teamwork skills, communication skills, collaboration skills.

**Keywords:** Project-Based Learning, Soft skills, Higher Education

## 1. Đặt vấn đề

Kỹ năng mềm (KNM) đóng vai trò quan trọng trong môi trường học tập và công việc. Tuy nhiên, doanh nghiệp phản ánh một thực trạng không cân xứng giữa bằng cấp và năng lực thực sự của ứng viên, nhiều người lao động thiếu KNM. Nên doanh nghiệp thường ưa thích kinh nghiệm hơn trình độ giáo dục, từ đó lao động trẻ tuổi đứng ở thế yếu (VCCI và UNICEF, 2020). Trong kỷ nguyên số hóa và tự động hóa, các KNM như giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và sáng tạo trở nên đặc biệt quan trọng. Các trường đại học hiện đang nỗ lực đào tạo KNM nhưng vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Một trong những phương pháp hiệu quả là phương pháp học tập theo dự án (HTTDA), mang lại cơ hội trải nghiệm thực tế cho người học từ đó giúp hình thành KNM.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp. Đầu tiên, chúng tôi tiến hành rà soát và thu thập các nghiên cứu, báo cáo, sách, và bài báo khoa học liên quan đến việc áp dụng phương pháp HTTDA (Project-Based Learning - PBL) trong giáo dục đại học. Các nguồn thông tin được tìm kiếm chủ yếu từ các cơ sở dữ liệu khoa học uy tín như Google Scholar, Web of Science. Tiếp theo, chúng tôi tiến hành phân tích và tổng hợp nội dung của các tài liệu thu thập được. Cụ thể, chúng tôi tập trung vào các vấn đề như: (1) Một số vấn đề chung PBL; (2) Vai trò của PBL đối với việc phát triển KNM cho SV trong giáo dục đại học.

### 2.2. Kỹ năng mềm

KNM liên quan đến các khía cạnh như hành vi,

tính cách, cách giao tiếp và tương tác với mọi người, và đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ và thành công trong công việc cũng như trong cuộc sống. Con đường hình thành KNM có thể thông qua nhiều cách thức: học tập qua trường lớp, tự học và sự rèn luyện của cá nhân.

Trong khuyến nghị của Hội đồng liên minh châu Âu (The Council of the European Union) về các năng lực chính để học tập suốt đời, đã xác định có 8 năng lực chính để học tập suốt đời: năng lực đọc-viết; năng lực đa ngôn ngữ; năng lực toán học và năng lực về khoa học, công nghệ và kỹ thuật; năng lực số; năng lực cá nhân, xã hội và học hỏi; năng lực công dân; năng lực khởi nghiệp và cuối cùng là năng lực nhận thức về văn hóa và biểu hiện có văn hóa. Theo đó, các kỹ năng (KN) như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, giao tiếp và thương lượng, các KN phân tích, sáng tạo, và các KN liên văn hóa là những KNM đều được lồng ghép, đan xen xuyên suốt trong 8 năng lực chính để học tập suốt đời.

### 2.3. Học tập theo dự án (Project-Based Learning)

HTTDA (PBL) là một trong những phương pháp dạy học hiện đại, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên (GV) hướng dẫn SV tiếp nhận kiến thức và phát triển KN thông qua việc giải quyết các tình huống thực tế (DA) được tích hợp trong chương trình học. Từ đó, tạo ra các sản phẩm cụ thể thông qua sự kết nối giữa lý thuyết và thực hành, từ đó tạo ra các sản phẩm cụ thể mang tính vật chất hoặc phi vật chất.

Hình thức PBL rất đa dạng, chẳng hạn như DA được triển khai trong một môn học hoặc liên môn học, hoặc ngoài chương trình đào tạo, tùy vào quy

mô mà DA sẽ kéo dài trong thời gian bao lâu, dựa vào nội dung theo yêu cầu mà theo đó tính chất của DA cũng sẽ được triển khai cho phù hợp.

### 2.3.1. Các dạng học tập theo dự án

Dương Thị Kim Oanh (2023) đã phân chia thành 3 dạng PBL: HTTDA nghiên cứu (Research Project-Based-Learning) có thể sử dụng trong các tình huống học tập yêu cầu tìm hiểu, giải quyết, khám phá... một vấn đề lý thuyết hoặc thực hành của bài học, chương hoặc môn học, thời gian yêu cầu có thể là diễn ra trong một số giờ học, ngày học hay tuần học. sản phẩm tạo ra có thể là vật chất hoặc phi vật chất. HTTDA kiến tạo (Construction Project-Based Learning) được áp dụng cho những nhiệm vụ phức tạp hơn khi có các yêu cầu như thiết kế, chế tạo hoặc làm các sản phẩm thực. Sản phẩm tạo ra là các sản phẩm vật chất hoặc phi vật chất. Với loại hình này thường thấy ở các môn học là đồ án môn học hoặc đồ án tốt nghiệp cuối khóa. Nhiệm vụ học tập này đòi hỏi người học phải vận dụng cá kiến thức cốt lõi của ngành và liên ngành để tạo ra sản phẩm. Chính vì sự phức tạp của nó mà thời gian cũng sẽ kéo dài trong nhiều tuần hoặc học kỳ. Cuối cùng, HTTDA thực (Real-World Project-Based Learning) là dạng DA được tiến hành dựa trên việc giải quyết các vấn đề thực tế của doanh nghiệp và cộng đồng. Loại hình học tập này giúp SV trải nghiệm thực các bước khác nhau trong quy trình tạo ra sản phẩm, từ đó giúp SV có cơ hội hiểu sâu kiến thức lý thuyết và phát triển KN trong môi trường làm việc thực tiễn.

Tuy nhiên sự phân chia này chỉ mang tính chất tương đối vì thực tế cả ba loại hình HTTDA nghiên cứu, HTTDA kiến tạo hay HTTDA thực giữa chúng đều có sự trộn lẫn với nhau, điều này có ý nghĩa đối với việc giúp người học thâm thấu, học sâu các nội dung học tập khi có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành.

### 2.3.2. Quy trình tổ chức HTTDA

Theo [2], quy trình tổ chức PBL sẽ theo các bước sau: Lựa chọn đề tài và hình thành nhóm; Xây dựng đề cương DA; Thực hiện DA; Thu thập kết quả; Lượng giá DA, rút kinh nghiệm. Trong khi đó theo [5], thì PBL được tổ chức thành 5 giai đoạn (Xác định vấn đề, hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện DA, Tổ chức thực hiện DA, tổ chức trình bày kết quả HTTDA, đánh giá kết quả thực hiện DA học tập và tổng kết). Mặc dù có nhiều tác giả nghiên cứu về quy trình tổ chức HTTDA, nhưng tựu chung lại có thể thấy rằng PBL có thể được diễn ra qua 5 bước: xác định vấn đề, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, trình

bày kết quả và lượng giá.

### 2.4. Phát triển KNM của SV thông qua HTTDA

KNM của SV được hình thành thông qua nhiều cách thức trong giáo dục đại học. Trong đó, phương pháp PBL được minh chứng rõ ràng ở nhiều nghiên cứu trên nhiều ngành học khác nhau về sự hình thành và phát triển KNM cho SV (bảng 2.1).

Bảng 2.1. Tổng hợp các nghiên cứu về phát triển KNM cho SV thông qua dạy học theo DA

| TT | Tác giả                        | Năm xuất bản | Phương pháp nghiên cứu  | KNM được phát triển thông qua học tập dựa vào DA   |
|----|--------------------------------|--------------|---|--|
| 1  | Huỳnh Văn Sơn                  | 2013         | Nghiên cứu thực nghiệm trên 60A SV sư phạm  | KN giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, quản lý thời gian.  |
| 2  | Saenab S. và cộng sự           | 2018         | Nghiên cứu trên 29 SV ngành sư phạm   | Phát triển KN giao tiếp, đặc biệt là phát triển KN đọc lướt văn bản  |
| 3  | Nguyễn Thị Bích Huệ và cộng sự | 2020         | Nghiên cứu trên 90 SV khoa tiếng Nhật   | Tính chủ động, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.   |
| 4  | Syahril và cộng sự             | 2021         | Nghiên cứu trên 51 SV Khóa học về cơ khí  | Làm việc nhóm, giao tiếp, quản lý DA.  |
| 5  | Puangpunsri, N.                | 2021         | Nghiên cứu trên 104 SV trong môn tiếng anh  | KN hợp tác, làm việc nhóm, linh hoạt và thích ứng, tăng tính trách nhiệm trong học tập.  |
| 6  | Crespí, P. và cộng sự          | 2022         | Nghiên cứu thực nghiệm trên 610 SV, trong đó 387 SV trong nhóm thực hiện và 223 SV trong nhóm đối chứng | KN giao tiếp và làm việc nhóm  |
| 7  | Farah Diana                    | 2023         | Nghiên cứu trên 60 SV ngành hóa học   | Phát triển sự tự tin, sự trung thực, tinh thần kỷ luật, KN hợp tác, khả năng giao tiếp, tinh thần trách nhiệm, KN tư duy sáng tạo. |
| 8  | Asnur, L.                      | 2024         | Nghiên cứu trên 125 SV Khoa khách sạn và du lịch  | Phát triển KN giải quyết vấn đề, KN giao tiếp, KN hợp tác, cam kết, KN tư duy sáng tạo và đổi mới.                                 |

Trong quá trình tổ chức PBL, đòi hỏi SV phải tích cực, chủ động trong các nhiệm vụ học tập theo nhóm, trong khi đó GV hướng dẫn sát sao, tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ cho SV từ bước đầu cho đến giai đoạn kết thúc DA học tập, thúc đẩy sự hiểu biết sâu hơn của người học, hướng dẫn người học tập trung vào tìm hiểu, giải quyết vấn đề và thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của DA và cho phép người học kiến tạo nên kiến thức của họ<sup>[2]</sup>. Do đó, trong quá trình tổ chức PBL, GV có thể áp dụng nhiều kỹ thuật giảng dạy khác nhau: động não, làm việc nhóm, thuyết trình, đàm thoại, sơ đồ tư duy... Chính vì vậy, PBL là một trong những phương pháp giảng dạy hiện đại, lấy người học làm trung tâm và tạo ra những hiệu ứng mạnh mẽ giúp SV hình thành và phát triển KNM

trong giáo dục đại học, người học chủ động chiếm lĩnh tri thức, hình thành tinh thần tự học suốt đời.

Tuy vậy, PBL cũng tồn tại nhiều thách thức cho cả người dạy lẫn người học. Người học cần phải tích cực, chủ động, trách nhiệm trong suốt quá trình PBL. Đối với người dạy, phương pháp PBL đòi hỏi người dạy phải có kiến thức chuyên môn sâu rộng, có KN hướng dẫn tổ chức hoạt động hiệu quả và linh hoạt. Bởi vì để một DA có thể thực hiện cần có thời gian đủ dài nhất định, điều này khiến cho cả người dạy và người học mất rất nhiều công sức và thời gian, và sẽ là áp lực nếu như người dạy đang cùng lúc hướng dẫn nhiều DA khác nhau hoặc người học đang cùng lúc thực hiện nhiều DA ở các môn học khác nhau. Bên cạnh đó, mặc dù PBL là phương pháp hiệu quả nhưng sẽ là khó áp dụng với những môn học có tính lý thuyết cao. PBL còn đòi hỏi sự phối hợp không chỉ giữa người dạy và người học mà có khi còn có sự tham gia của các bên liên quan khác đến DA. Về đánh giá cũng sẽ gặp khó khăn cần đòi hỏi nhiều tiêu chí đa dạng, phù hợp với từng loại DA và mục tiêu học tập. Do đó, tùy vào tính chất của môn học, điều kiện thời gian phù hợp thì việc triển khai dạy học DA mới có thể phát huy được hiệu quả đối với kết quả học tập cũng như phát triển KNM cho SV.

### 3. Kết luận

Việc phát triển KNM cho SV là một trong những yêu cầu cấp thiết nhằm chuẩn bị cho họ bước vào thị trường lao động. Theo đó, dạy học theo DA là phương pháp dạy học không chỉ giúp người học nâng cao kết quả học tập của một môn học nhất định mà còn có tác dụng hình thành và phát triển KNM cho SV bởi tính ưu việt của nó, nhất là khi nó được thực hiện theo nhóm. Bởi vì dạy học DA được triển khai trên cơ sở lấy người học làm trung tâm, các DA gắn liền với đời sống xã hội và dựa trên nhu cầu của người học, từ đó khơi gợi được cảm hứng của người học qua các nhiệm vụ của DA. Nhờ đó, nhiều KNM có cơ hội được rèn luyện, mài dũa, trong đó có một số KNM điển hình như: KN giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, hợp tác, tư duy sáng tạo,... Điều này không chỉ giúp SV vững vàng về chuyên môn mà còn tự tin trong bối cảnh hội nhập trở thành công dân toàn cầu. Tuy vậy, để phương pháp dạy học theo DA phát huy hiệu quả tối ưu, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ phía GV lẫn sự chủ động, tích cực từ SV. Cùng với đó là sự hỗ trợ, đầu tư thích đáng từ phía các trường đại học nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai dạy học theo DA cách hiệu quả.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Asnur, L. (2024). *Enhancing Soft Skills in Culinary Education through Project Based Learning and Vlogs: A Quasi-Experimental Study*. Power System Technology, 48(1), 2356-2368.
- [2]. Biều, T. V., Thủy, P. Đ. C., & Phương, T. L. H. (2011). *Dạy học DA-từ lý luận đến thực tiễn*. Tạp chí Khoa học, (28), 3.
- [3]. Crespi, P., García-Ramos, J. M., & Queiruga-Dios, M. (2022). Project-Based Learning (PBL) and Its Impact on the Development of Interpersonal Competences in Higher Education. *Journal of New Approaches in Educational Research*, 11(2), 259-276.
- [4]. European Union. (2006). *Recommendation of the European Parliament and of the Council of the 18 December 2006 on key competences for lifelong learning*. Official Journal of the European Union. Online: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/PDF/?uri=CELEX:32006H0962>
- [5]. Oanh, D.T.K (2022). *Dạy học phát triển năng lực cho SV trong giáo dục đại học*. NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [6]. Puangpunsri, N. (2021). *Learners' Perception towards Project-Based Learning in Encouraging English Skills Performance and 21st Century Skills*. *Thaitesol Journal*, 34(1), 1-24.
- [7]. Nguyễn, T. B. H. (2020) và cộng sự. *Áp dụng phương pháp dạy học theo DA trong giảng dạy tiếng Nhật ở Khoa Tiếng Nhật tại Trường Đại học Ngoại thương*. Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế, (130), 53-64.
- [8]. Sơn, H.V (2013). *Thử nghiệm một vài biện pháp phát triển một số KNM cho SV đại học sư phạm*. Tạp chí Khoa học, (50), 68-77
- [9]. Syahril, S., Nabawi, R. A., & Safitri, D. (2021). *Students' perceptions of the project based on the potential of their region: A Project-based learning implementation*. *Journal of Technology and Science Education*, 11(2), 295-314.
- [10]. Saenab, S., Yunus, S. R., Saleh, A. R., Virninda, A. N., & Sofyan, N. A. (2018, June). *Project-based learning as the atmosphere for promoting students' communication skills*. In *Journal of Physics: Conference Series* (Vol. 1028, p. 012026). IOP Publishing.
- [11]. VCCI VÀ UNICEF (2020). *Báo cáo đánh giá về thiếu hụt KN nghề nghiệp và thực hành tốt của doanh nghiệp để nâng cao tay nghề cho thanh thiếu niên yếu thế và dễ tổn thương*, Hà Nội.